

Bản án số: 05/2019/KDTM-PT

Ngày: 26-4-2019

Về việc: Tranh chấp HĐ bảo hiểm.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Huệ

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Minh Châu

Ông Đoàn Ngọc Thiện

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Hạnh Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: Bà Lương Thị Yên – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26-4-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 25/2018/TBTL-TA ngày 26-12-2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 14/2018/KDTM-ST ngày 09-11-2018 của Tòa án nhân dân thành phố V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 08/2019/QĐ-PT ngày 28-02-2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐ-PT ngày 27-3-2019, Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 03/2019/QĐ-PT ngày 25-4-2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị G, sinh năm 1968 (*có mặt*).

Địa chỉ: Đường T, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi T1, sinh năm 1956 (*có mặt*); Địa chỉ: Đường V, phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; là đại diện theo Hợp đồng ủy quyền ngày 06-8-2018.

2. Bị đơn: Tổng công ty cổ phần B.

Địa chỉ: Đường T, phường N, Quận M, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T2 - Tổng giám đốc (*vắng mặt*).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

- Ông Nguyễn Đức H1, sinh năm 1989 (*có mặt*) - Chuyên viên pháp lý Tổng công ty cổ phần B; địa chỉ liên lạc: Đường T, phường N, Quận M, thành phố Hồ Chí Minh - Là đại diện theo Giấy ủy quyền số 1132/2018-BM/VP ngày 21-6-2018.

- Ông Nguyễn Huy T3, sinh năm 1977 (*có mặt*) - Chuyên viên Ban bảo hiểm hàng hải Tổng công ty cổ phần B; địa chỉ liên lạc: Đường T, phường N, Quận M,

thành phố Hồ Chí Minh - Là đại diện theo Giấy ủy quyền số 1976/2018-BM/VP ngày 23-10-2018.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ngân hàng TMCP C.

Địa chỉ: Đường T, phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức T4 – Chủ tịch HĐQT (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp: Ông Hoàng Bá H2, sinh năm 1982 (có mặt); Địa chỉ liên lạc: Đường T, phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu - Là đại diện theo văn bản ủy quyền số 911/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 16-11-2018.

3.2. Ông Phạm M1, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường T, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp của ông M1: Ông Bùi T1 (có mặt); Địa chỉ: Đường V, phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; là đại diện theo Hợp đồng ủy quyền ngày 06-8-2018.

4. Người giám định: Công ty cổ phần thẩm định giám định L; Người đại diện hợp pháp: Ông Biều Xuân P (có mặt).

5. Người kháng cáo: Ông Bùi T1 - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và Tổng công ty cổ phần B là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là bà Võ Thị G và người đại diện hợp pháp trình bày:

Bà Võ Thị G là chủ tàu cá BV-98506-TS, tàu cá có các đặc điểm như sau: Đóng năm 2004 tại Quảng Ngãi, loại tàu vỏ gỗ, quốc tịch Việt Nam, công suất máy 450, trọng tải 108 tấn. Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá BV-98506-TS do Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 09-01-2013. Bà G có Giấy phép khai thác thủy sản do Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 30-12-2013, ngày 15-02-2016 gia hạn lần thứ 03 đến ngày 07-01-2017.

Bà G mua bảo hiểm cho tàu cá nêu trên tại Công ty B - Bà Rịa-Vũng Tàu, thể hiện tại Đơn bảo hiểm số MHS/00852314. Hai bên thỏa thuận thời hạn bảo hiểm từ ngày 14-02-2016 đến 13-02-2017; đánh giá trị giá tàu là 1.600.000.000đ, trong đó bảo hiểm thân tàu là 1.000.000.000đ và máy tàu là 600.000.000đ; tổng phí bảo hiểm 21.633.500đ; mức khấu trừ thân tàu + trách nhiệm dân sự là 2,5% tiền bồi thường/vụ tổn thất nhưng không thấp hơn 500.000đ, không khấu trừ đối với trường hợp bị tổn thất toàn bộ; khấu trừ bổ sung máy là 3.000.000đ; chi phí lai dắt trực vớt không quá 120.000.000đ;

Khoảng 10h ngày 22-6-2016 do biển động nên tàu cá BV-98506-TS chạy vào Đảo P - Bình Thuận để sang cá cho tàu bạn là tàu BV-8136-TS. Đến 19h thì việc sang cá kết thúc, tàu BV-8136-TS chạy về Vũng Tàu.

Tàu BV-98506-TS trú giông lốc tại Đảo P, đến khoảng 20h30 phút ngày 22-6-2016 do trời giông mạnh nên thuyền trưởng cho tàu chuyển hướng chạy ra xa khu vực đảo để cho an toàn, nhưng đang hành trình thì mũi tàu va phải đá ngầm và bị chìm, lật úp. Thuyền trưởng phát tín hiệu cấp cứu và được tàu câu mực cứu 04 người đưa vào bờ, gồm các ông Nguyễn Minh H3 - thuyền trưởng, Tô Văn V và Phương Văn T6 - thuyền viên, Nguyễn Ngọc T5 - máy trưởng.

Ngay sau khi tai nạn xảy ra, chủ tàu là bà G đã báo với Công ty B - Bà Rịa - Vũng Tàu và thuê trực vớt tàu kéo về Vũng Tàu sửa chữa. Sau đó đã cung cấp các thông tin và hồ sơ sửa chữa nhưng 02 năm nay Tổng công ty cổ phần B không bồi thường với lý do phía chủ tàu vi phạm quy chế bảo hiểm, tàu trên 350CV nhưng trên tàu không có máy trưởng có bằng hạng tư.

Nay bà G yêu cầu Tổng công ty cổ phần B phải bồi thường giá trị thiệt hại do đắm tàu phải sửa chữa là 900.490.000đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện của bà G xác định người thụ hưởng tiền bảo hiểm là Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Bị đơn là Tổng công ty cổ phần B thông qua người đại diện hợp pháp trình bày:

Tổng công ty cổ phần B (gọi tắt là Công ty B) xác nhận đã cấp đơn/Giấy chứng nhận bảo hiểm số MHS/00852314 cho chủ tàu là bà Võ Thị G với nội dung chủ yếu như nguyên đơn là bà G đã nêu và thuộc trường hợp bảo hiểm thân tàu cá điều kiện A theo điều khoản bảo hiểm thân tàu cá (B C1.001-TCA). Công ty B xác định tàu cá có xảy ra tai nạn như bà G đã trình bày.

Căn cứ vào hồ sơ giám định và hồ sơ vụ việc, ngày 03-11-2016 Công ty B đã có công văn thông báo từ chối bảo hiểm cho chủ tàu vì thuộc trường hợp loại trừ bảo hiểm.

Công ty B căn cứ vào Điểm b, Khoản 1 Điều 7 và Điều 9 Nghị định 66/2005/NĐ-CP ngày 19-5-2005; Khoản 3 điều 4 Quy chế bồi thường và cấp chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng, nghiệp vụ thuyền viên và thợ máy tàu cá ban hành theo Quyết định 77/2008/QĐ-BNN ngày 30-6-2008 có quy định tàu có tổng công suất máy chính (sức ngựa) từ 400 CV trở nên phải có thuyền trưởng và máy trưởng có chứng chỉ hạng tư. Quy định này cũng đã được nêu rõ với bà G theo quy chế bảo hiểm của Công ty B.

Nhưng tàu BV-98506-TS có công suất máy là 450CV lại chỉ có thuyền trưởng mà không có máy trưởng có bằng hạng tư. Bởi vì căn cứ vào bảng đăng ký danh sách thuyền viên xuất bến do Trạm kiểm soát Biên phòng B – thành phố V xác nhận ngày 28-5-2016 thì tàu cá BV-98506-TS chỉ có 03 người là: Thuyền trưởng Nguyễn Minh H3 và 02 thuyền viên là Tô Văn V và Phương Văn T6, không có ông Nguyễn Ngọc T5 là máy trưởng như bà G trình bày; Đơn khai báo của chủ tàu ngày 01-7-2016 với

Công ty B cũng chỉ khai trên tàu có 03 người. Như vậy, trên tàu khi xảy ra tai nạn không có ông T5 đảm nhiệm chức danh máy trưởng.

Đến ngày 16-01-2017, bà G mới được Trạm kiểm soát Biên phòng B – thành phố V xác nhận trên tàu xuất bến có 04 người, trong đó có ông T5. Như vậy là không phù hợp với biên bản của Đoàn biên phòng cửa khẩu cảng P, tỉnh Bình Thuận vào ngày 24-6-2016, chỉ làm việc với hai thuyền viên là ông Tô Văn V và ông Dương Văn T7, không có máy trưởng là ông T5.

Do vậy, Công ty B từ chối bồi thường cho nguyên đơn là có căn cứ.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng TMCP C trình bày: Tàu cá BV-98506-TS, công suất 450CV đứng tên bà Võ Thị G đã được thế chấp tại Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Bà Rịa-Vũng Tàu theo Hợp đồng thế chấp số 15.104.0039 ngày 18-5-2015, đảm bảo cho khoản vay của bà Võ Thị G và chồng là ông Phạm M1 theo Hợp đồng tín dụng số 16.104.045/2016-HĐTDHM/NHCT880 ngày 01-6-2016. Đến thời điểm này đã quá hạn trả nợ, tiền lãi, tiền gốc bà G và ông M1 còn nợ là 1.135.187.716đ.

Tàu cá BV-98506-TS được chủ tàu là bà G mua bảo hiểm với Công ty B. Tại mục 3.04 Điều 3 của Hợp đồng thế chấp và tại Đơn bảo hiểm MHS/00852314, ghi rõ trường hợp tàu được hưởng bảo hiểm thì Ngân hàng TMCP C tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là người được thụ hưởng.

Do vậy, đề nghị Tòa án cho Ngân hàng TMCP C được nhận số tiền mà bảo hiểm chi trả cho tàu cá BV-98506-TS để Ngân hàng trừ một phần vào số nợ hiện bà G, ông M1 chưa thanh toán.

Ông Phạm M1 thông qua người đại diện theo ủy quyền là ông Bùi T1 trình bày: Ông M1 yêu cầu Công ty B phải bồi thường thiệt hại do tàu cá BV-98506-TS của gia đình ông bị nạn đắm tại Bình Thuận như bà G yêu cầu. Trường hợp được bồi thường ông đồng ý để Ngân hàng TMCP C thụ hưởng số tiền bồi thường để khấu trừ vào số tiền mà ông và bà G thế chấp tàu BV-98506-TS vay tại Ngân hàng.

Trạm kiểm soát Đoàn Biên phòng B thành phố V trình bày: Ngày 28-5-2016, bà Võ Thị G trú tại đường T, phường N, thành phố V làm thủ tục đăng ký thuyền viên để xuất bến cho tàu cá BV-98506-TS có 03 người. Do chưa đủ bạn ghe nên thuyền trưởng là ông Nguyễn Minh H3 có xin phép Trạm kiểm soát Đoàn Biên phòng B cho tàu neo đậu ở khu vực cửa Biển Sao Mai chờ đủ bạn ghe mới xuất bến.

Khoảng 15h ngày 29-5-2016, chủ tàu là bà Võ Thị G đăng ký bổ sung 01 người là ông Nguyễn Ngọc T5, sinh năm 1985, trú ở huyện Đ - Quảng Ngãi; Người trực tiếp tiếp nhận đăng ký bổ sung danh sách thuyền viên là ông Đỗ Văn M2 - Trạm trưởng Trạm kiểm soát biên phòng B (có danh sách thuyền viên bổ sung), sau đó tàu BV-98506-TS xin phép được xuất bến.

Ngày 22-6-2016, tàu cá BV-98506-TS bị nạn và chìm tại vùng biển Bình Thuận, chủ tàu không báo với Đồn Biên phòng B – thành phố V, mà chỉ báo Đồn biên phòng cửa khẩu cảng P, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 23-6-2016, ông Võ Minh L là anh trai của bà Võ Thị G có tới Trạm kiểm soát biên phòng B xin sao lục danh sách thuyền viên. Ông Trần Đình D là nhân viên của Trạm chưa nắm được thông tin bà Võ Thị G bổ sung thêm 01 thuyền viên là ông Nguyễn Ngọc T5 vào ngày 29-5-2016 nên chỉ cung cấp cho ông L danh sách 03 thuyền viên đăng ký ngày 28-5-2016.

Ngày 12-01-2017, Trạm kiểm soát Đồn Biên phòng B nhận được Công văn số 013/2017-BM-BT của Công ty B đề nghị xác nhận thông tin về số lượng thuyền viên đi trên tàu BV-98506-TS; Trạm kiểm soát Đồn Biên phòng B xác nhận tàu cá BV-98506-TS xuất bến ngày 29-5-2016 có 04 người là các ông Nguyễn Minh H3, Tô Văn V, Phương Văn T6 và Nguyễn Ngọc T5.

Đồn biên phòng cửa khẩu cảng P tỉnh Bình Thuận trình bày: Qua tra cứu hồ sơ thì tàu cá BV-98506-TS do ông Nguyễn Minh H3 quê ở Quảng Ngãi làm thuyền trưởng hành nghề giã cào, trong hành trình vào Đảo P tránh gió vì thời tiết xấu, do không thuộc địa hình đã va vào Hòn Đỏ, cách bờ biển Đảo P hướng Tây Bắc 500m, hậu quả phương tiện bị chìm, con người an toàn, chủ tàu đã thuê người trực vớt phương tiện lai dắt về Vũng Tàu ngày 28-6-2016.

Do quá trình thuyền chuyển công tác, cán bộ phụ trách xác minh và nắm bắt vụ việc không còn công tác tại đơn vị nên hồ sơ, tài liệu có liên quan đến vụ việc gồm: Biên bản làm việc, biên bản lấy lời khai và danh sách thuyền viên của tàu cá BV-98506-TS đã thất lạc, không còn lưu nên Đồn không thể sao chép và cung cấp cho Tòa án được.

Những người làm chứng:

Ông Nguyễn Minh H3 trình bày: Ông là thuyền trưởng tàu BV-98506-TS. Khoảng 10h ngày 22-6-2016, tàu BV-98506-TS vào Đảo P để sang cá cho tàu BV-8136-TS. Khoảng 19h thì sang cá xong, tàu BV-8136-TS chạy về Vũng Tàu, tàu BV-98506-TS ở lại Đảo P. Khoảng 20h30 phút trời giông gió lớn, ông Hải sợ tàu gần đảo thì sóng đánh va vào đá nên đã cho nhấc neo chạy ra xa, trong khi di chuyển thì tàu bị va vào đá và chìm. Lúc vào bờ có người bị đuối nước nên ông Hải đưa đi cấp cứu, sau đó thấy tài sản lớn bị thiệt hại sợ bị gia đình chủ tàu hành hung nên ông Hải đã bỏ trốn về quê.

Ông Nguyễn Ngọc T5 trình bày: Ông là máy trưởng đi trên tàu BV-98506-TS. Khoảng 14h, thuyền trưởng tàu cá tàu BV-8136-TS điện qua nói tàu đi lâu nên cá có mùi hôi nói hai tàu ngưng hoạt động vào Đảo P sang dầu cho tàu BV-8136-TS về bán cá. Tàu BV-98506-TS neo đậu lại. Khoảng 21h ngày 22-6-2016 thuyền trưởng bảo ông T5 nổ máy di dời tàu. Tàu đi được một lúc thì ông T5 nghe tiếng động, sau

đó nước vào tàu nhiều, ông T5 đi tìm đồ bảo hộ và được tàu câu mực gần đó vớt cùng các thuyền viên. Do trời giông gió ông T5 mệt quá nằm nghỉ ngơi, mọi việc sau đó ông không biết.

Ông Tô Văn V trình bày: Ông Tô Văn V là thuyền viên làm trên tàu BV-98506-TS do bà G ở thành phố V làm chủ phương tiện, thuyền trưởng là ông Hải. Trên tàu có tổng cộng 04 lao động. Ông V không biết nguyên nhân vì sao tàu chìm vì lúc đó đang nghỉ và sau khi tàu chìm ông V không biết thuyền trưởng ông Hải đi đâu.

Người giám định Công ty cổ phần thẩm định giám định L: Sau khi nhận được yêu cầu giám định ngày 23-6-2016 của Công ty B về việc giám định nguyên nhân thiệt hại, tính mức độ thiệt hại và tổn thất của tàu cá BV-98506-TS. Đại diện phòng giám định bồi thường của Công ty B - Bà Rịa - Vũng Tàu có cung cấp một số hồ sơ liên quan gồm: Danh sách thuyền viên và hồ sơ liên quan do chủ tàu cung cấp. Từ ngày 23-6-2016 đến ngày 26-9-2016 giám định viên của Giám định L đã có mặt tại hiện trường tàu đắm tại Bình Thuận, thu thập hồ sơ giám sát việc trục vớt tàu chìm, giám sát việc sửa chữa tàu BV-98506-TS tại ụ tàu và đã cung cấp cho Công ty B chứng thư giám định số VT035/16/GĐ ngày 29-9-2016. Kể từ ngày Công ty B nhận chứng thư không yêu cầu gì về các nội dung trong chứng thư giám định. Kết quả giám định có căn cứ và khách quan.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 14/2018/KDTM-ST ngày 09-11-2018 của Tòa án nhân dân thành phố V đã tuyên xử:

Công ty B phải bồi thường cho bà Võ Thị G và ông Phạm M1 số tiền là 727.947.613đ; Ngân hàng TMCP C là người trực tiếp được nhận số tiền bồi thường 727.947.613đ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Kháng cáo:

Ngày 22-11-2018, đại diện hợp pháp của nguyên đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm nêu trên, cụ thể đề nghị Tòa án cấp phúc tuyên bà Võ Thị G và ông Phạm M1 là người hưởng số tiền bồi thường từ Công ty B chứ không phải Ngân hàng TMCP C.

Ngày 22-11-2018, bị đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm nêu trên, không chấp nhận bồi thường tiền bảo hiểm theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, giảm bớt số tiền yêu cầu bảo hiểm chi trả xuống còn 650.000.000đ; nguyên đơn và bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu có ý kiến:

- Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đúng quy định. Các đương sự có mặt tại phiên tòa phúc thẩm chấp hành tốt quy định pháp luật tố tụng.

- Về nội dung vụ án:

+ Đối với kháng cáo của bị đơn: Ngày 14-02-2016, bà Võ Thị G có Đơn bảo hiểm tàu cá số MHS/00852314, được Công ty B chấp nhận như nguyên và bị đơn nêu. Ngày 22-6-2016, tàu cá của bà Võ Thị G đi khai thác thủy sản trên biển có xảy ra tai nạn va vào đá ngầm và bị chìm tại khu vực Đảo P, tỉnh Bình Thuận. Theo kết quả giám định thì tổng thiệt hại tàu cá của bà G là 749.689.859đ.

Bị đơn từ chối bồi thường thiệt hại tàu cá cho nguyên đơn vì khi xảy ra tai nạn trên tàu không có người đảm nhận chức danh máy trưởng có bằng cấp theo quy định. Tuy nhiên, theo lời khai của ông Nguyễn Minh H3, Nguyễn Ngọc T5, ông Tô Văn V và ông Phương Văn T6 đều khẳng định có mặt trên tàu BV-98506-TS tại thời điểm xảy ra sự cố chìm tàu. Lời khai của những người này phù hợp với xác nhận của Trạm kiểm soát biên phòng B – thuộc Đồn Biên phòng B. Do đó, lý do từ chối bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn mà bị đơn đưa ra là không có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Về số tiền bồi thường: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cho rằng tổng số tiền thiệt hại tối đa chỉ khoảng 650.000.000đ và nguyên đơn chấp nhận chỉ yêu cầu bị đơn bồi thường số tiền 650.000.000đ, do đó Hội đồng xét xử cần xác định lại giá trị bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn và sửa bản án sơ thẩm về giá trị bồi thường thiệt hại.

+ Đối với kháng cáo của nguyên đơn: Bà Võ Thị G và ông Phạm M1 có vay của Ngân hàng TMCP C số tiền 3.000.000.000đ theo Hợp đồng tín dụng số 16.104.045/2016-HĐTDHM/NHCT880 ngày 01-6-2016, tài sản thế chấp là Tàu cá BV-98506-TS do bà Võ Thị G làm chủ sở hữu. Theo trình bày của Ngân hàng TMCP C thì hiện bà G còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 759.118.611đ và tiền lãi phát sinh.

Tại mục 3.04 Điều 3 của Hợp đồng thế chấp ngày 18-5-2015 thì trường hợp tài sản thế chấp được bảo hiểm, khi xảy ra sự kiện bảo hiểm thì Ngân hàng TMCP C được quyền trực tiếp nhận tiền bảo hiểm từ tổ chức bảo hiểm, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

Do không có thỏa thuận nào khác nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP C là có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa một phần Bản án sơ thẩm theo như phân tích trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về kháng cáo của bị đơn không đồng ý chi trả toàn bộ số tiền bảo hiểm cho bà G theo quyết định của Bản án sơ thẩm, thấy rằng:

[1.1] Công ty B có cấp Đơn bảo hiểm số MHS/00852314 cho chủ tàu là bà Võ Thị G đối với tàu cá BV-98506-TS, thời hạn bảo hiểm từ ngày 14-02-2016 đến ngày 13-02-2017, bà G đã nộp đủ phí bảo hiểm; trong thời hạn bảo hiểm, tàu cá BV-98506-TS bị va phải đá ngầm vào ngày 22-6-2016 nên bị chìm tại khu vực Đảo P, tỉnh Bình Thuận là những sự kiện có thật. Tai nạn đối với tàu cá trong phạm vi được xem xét bảo hiểm (*BL 224-236 tập 5; 19 tập 1*).

[1.2] Sau khi xảy ra tai nạn, tàu cá được bà G cho trục vớt và sửa chữa xong, đưa vào hoạt động bình thường từ tháng 9 năm 2016. Tổng chi phí sửa chữa tàu theo bà G là 900.490.000đ, theo kết quả của đơn vị giám định do Công ty B yêu cầu là Công ty cổ phần thẩm định giám định L là 749.689.859đ (vật tư thay mới chưa khấu hao theo thời gian sử dụng của tàu) (*BL 75 tập 1; 223*). Tại phiên tòa sơ thẩm, phía bà G đồng ý với kết quả giám định và yêu cầu được Công ty B chi trả theo kết quả giám định này. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà G tự nguyện giảm mức yêu cầu đối với Công ty B xuống còn 650.000.000đ.

[1.3] Công ty B thừa nhận tàu của bà G có bị tai nạn, không phản đối kết quả giám định nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty B cho rằng kết quả giám định chưa tính khấu hao theo thời gian sử dụng tàu của vật tư thay mới, thực tế tổn thất của tàu cá sau khi khấu hao theo thời gian sử dụng tàu của vật tư thay mới, tối đa cũng khoảng 650.000.000đ (*Biên bản PTPT*). Tuy nhiên, Công ty B không chấp nhận chi trả toàn bộ tiền bảo hiểm cho bà G với lý do đưa ra là tàu của bà G bắt buộc phải có máy trưởng có bằng hạng tư đi cùng, nhưng khi xảy ra vụ tai nạn thì tàu không có máy trưởng.

[1.4] Qua chứng cứ các đương sự cung cấp và chứng cứ Tòa án thu thập, thấy rằng tàu cá BV-98506-TS có đăng ký danh sách thuyền viên lần đầu là 08 người, trong đó có ông Nguyễn Ngọc T5 (*BL 20 tập 1*). Khi đăng ký xuất bến ngày 28-5-2016 tại Trạm kiểm soát Bộ đội biên phòng B, phường N, thành phố V xác định danh sách đăng ký xuất bến có 03 người được bà G đăng ký ngày 28-5-2016 là các ông Nguyễn Minh H3, Tô Văn V, Phương Văn T6 và đăng ký sau vào ngày 29-5-2016 thêm 01 người nữa là ông Nguyễn Ngọc T5, tổng cộng là 04 người. Trong đó, ông Nguyễn Minh H3 có bằng Thuyền trưởng tàu cá hạng tư do trường Trung học kỹ thuật nghiệp vụ thủy sản II - Bộ Thủy sản cấp năm 2007, ông Nguyễn Ngọc T5 có Chứng chỉ Máy trưởng tàu cá hạng tư do Trung tâm đăng kiểm và tư vấn nghề cá – Cục Khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản cấp năm 2012 (*BL 33 tập 1, các BL 310-316 tập 11*).

[1.5] Việc khi bị tai nạn ngày 22-6-2016, trên tàu cá BV-98506-TS của bà G có bao nhiêu người thì các số liệu thu thập được có sự mâu thuẫn, cụ thể: Danh sách đăng ký của bà G ngày 28 và 29-5-2016 với Đoàn Biên phòng B là 04 người; các thuyền viên khai với Đoàn biên phòng cửa khẩu cảng P, tỉnh Bình Thuận là có 04 người; xác nhận trong Sổ đăng ký thuyền viên của Đoàn biên phòng cửa khẩu cảng P, tỉnh Bình Thuận khi tàu nhập bến ngày 22-6-2016 cũng là 04 người, nhưng trong xác nhận tại Phiếu yêu cầu xác minh của Tòa án cấp sơ thẩm gửi Đoàn biên phòng cửa khẩu cảng P ngày 07-9-2018 lại là 11 người và khi Đoàn biên phòng cửa khẩu cảng P lấy lời khai sơ bộ ngày 24-6-2016 về vụ tai nạn thì ngoài thuyền viên Tô Văn V còn có lời khai của ông Dương Văn T7 cũng là thuyền viên nhưng không có trong danh sách đăng ký xuất bến ngày 28 và 29-5-2016, tại phiên tòa phúc thẩm, bà G giải thích lý do ông T7 là thuyền viên của tàu bạn BV-8136-TS đi cặp với tàu BV-98506-TS; tại Đơn khai báo tai nạn ngày 01-7-2016 của phía chủ tàu thì danh sách thuyền viên chỉ là 03 người (*BL 19, 32, 34 tập 1; 276-278 tập 9; 320 tập 11; 324 tập 12*). Công ty B thì cho rằng có thể ông T5 không có mặt trên tàu mà ông T7 mới là người có mặt và bản thân chủ tàu khi làm Đơn khai báo tai nạn ngày 01-7-2016 cũng chỉ khai có 03 người.

[1.5.1] Tuy nhiên vấn đề này nay không thể làm rõ được vì Đoàn biên phòng cửa khẩu cảng P thông báo toàn bộ hồ sơ, tài liệu có liên quan đến vụ việc gồm: Biên bản làm việc, biên bản lấy lời khai và danh sách thuyền viên của tàu cá BV-98506-TS đã thất lạc, không còn lưu nên không thể sao chép và cung cấp cho Tòa án được; Sổ đăng ký thuyền viên tại Đoàn biên phòng cửa khẩu cảng P khi tàu cập bến chỉ ghi số lượng người là 04, không cụ thể họ tên; lời khai của các thuyền viên có mặt khi xảy ra tai nạn cũng không cụ thể họ tên từng thuyền viên; các ông V, H3, T5, T6 được Tòa án triệu tập nhưng người thì do không có địa chỉ rõ ràng nên triệu tập không được, người thì không đến Tòa, đặc thù của những người này là ngư dân nên thường xuyên ngoài biển, thay đổi nhiều chủ tàu nên rất khó để họ có mặt theo yêu cầu của Tòa án.

[1.6] Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào sự xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, có tính chịu trách nhiệm là Đoàn Biên phòng B, khẳng định có ông Nguyễn Ngọc T5 đăng ký xuất bến, phù hợp với tài liệu cho đăng ký thuyền viên của cơ quan này được cung cấp cho Tòa án, phù hợp với lời khai của ông Nguyễn Ngọc T5 và chủ tàu là bà G để xác định trên tàu của bà G có máy trưởng T5 là có căn cứ. Bởi vì tất cả những ý kiến Công ty B đưa ra chỉ là nghi vấn, nay không thể chứng minh được, nếu có thuyền viên không đăng ký như ông T7 mà có mặt trên tàu là việc bà G vi phạm các quy định hành chính khác, không ảnh hưởng đến vụ tranh chấp này, không chứng minh được rằng có ông T7 thì đương nhiên không có ông T5, còn Đơn khai báo tai nạn ngày 01-7-2016 không do bà G trực tiếp khai mà là do ông Võ Minh L, người nhà bà G khai hộ khi bà G bận lo xử lý trực vớt tàu và Đơn chỉ khai không đúng với số lượng thuyền viên do bà G đăng ký xuất bến với đoàn biên phòng, nhưng trong đơn vẫn khai có ông T5 là Máy trưởng.

[1.7] Từ đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà G, buộc Công ty B phải chi trả tiền bảo hiểm tai nạn tàu cho bà G là phù hợp với hợp đồng bảo hiểm của hai bên. Về số tiền Công ty B phải chi trả cho bà G, theo Công ty B thiệt hại thực tế của tàu sau khi trừ các khoản theo cam kết bảo hiểm và trừ khấu hao thì cũng phù hợp với mức bà G chấp nhận tại phiên tòa phúc thẩm là 650.000.000đ. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty B, sửa phần này của Bản án sơ thẩm, buộc Công ty B trả cho bà G, ông M1 số tiền 650.000.000đ.

[2] Về kháng cáo của bà G không đồng ý giao cho Ngân hàng TMCP C được thụ hưởng số tiền bảo hiểm nêu trên để trừ vào số nợ của bà G với Ngân hàng:

[2.1] Thấy rằng, hiện theo số liệu của Ngân hàng TMCP C cung cấp thì bà G, ông M1 còn nợ số tiền 1.135.187.716đ (*BL 284-298 tập 10*).

[2.2] Tại mục 3.04 Điều 3 của hợp đồng thế chấp và tại Đơn bảo hiểm số MHS/00852314 có ghi *trường hợp tài sản thế chấp là tàu cá BV 98506-TS của bà Võ Thị G và ông Phạm M1 được bảo hiểm, khi có sự kiện bảo hiểm xảy ra thì Ngân hàng TMCP C được quyền trực tiếp nhận tiền bảo hiểm từ tổ chức Bảo hiểm*.

[2.3] Bà G cho rằng đúng là bà có cam kết với Ngân hàng như trên, nhưng theo bà chỉ áp dụng khi con tàu bị mất không thể thu hồi, còn đây bà đã phải bỏ tiền ra để sửa chữa phục hồi con tàu như cũ tiếp tục hoạt động thì Ngân hàng không có quyền được thụ hưởng vì tài sản thế chấp vẫn còn, nếu bà không trả được nợ thì Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp.

[2.4] Lập luận của bà G chỉ có giá trị áp dụng khi bà và Ngân hàng có cam kết rõ, cụ thể như vậy. Còn theo hồ sơ vụ án như đã nêu ở mục [2.2] thì bà G, ông M1 với Ngân hàng không cam kết cụ thể là chỉ khi con tàu bị mất hẳn thì mới áp dụng cam kết này. Với cam kết trong hợp đồng thế chấp đã nêu thì có thể hiểu là trong mọi trường hợp có phát sinh khoản tiền bảo hiểm thì Ngân hàng là người trực tiếp được nhận số tiền bồi thường. Thực tế bà G vẫn đang nợ Ngân hàng và đã quá hạn nên yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận. Không chấp nhận kháng cáo về phần này của bà G.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty B phải chịu án phí là 30.000.000đ (20.000.000đ + 4% của phần nghĩa vụ vượt quá 400.000.000đ);

Bà Võ Thị G không phải nộp.

[3.2] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Kháng cáo của Công ty B được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí. Kháng cáo của bà G không được chấp nhận nên phải chịu án phí.

[4] Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần và giữ nguyên một phần Bản án sơ thẩm như đã nêu trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 30, Khoản 1, Khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, 15, 16, 17, 28, 29, 30 Luật kinh doanh bảo hiểm; Điều 317, 318 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của Tổng công ty cổ phần B;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị G;

Sửa một phần Bản án sơ thẩm như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị G đối với Tổng công ty cổ phần B:

1.1. Tổng công ty cổ phần B phải trả cho bà Võ Thị G và ông Phạm M1 số tiền là 650.000.000đ (*Sáu trăm năm mươi triệu đồng*).

1.2. Ngân hàng TMCP C được nhận số tiền 650.000.000đ (*Sáu trăm năm mươi triệu đồng*) do Tổng công ty cổ phần B trả cho bà Võ Thị G và ông Phạm M1 nêu trên để trừ vào nợ của bà G, ông M1 vay Ngân hàng.

1.3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Võ Thị G và ông Phạm M1 cho đến khi thi hành xong, hàng tháng Tổng công ty cổ phần B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Khoản lãi này nếu có, bà Võ Thị G và ông Phạm M1 được nhận.

2. Án phí:

2.1. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Tổng công ty cổ phần B phải chịu án phí là 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*).

- Bà Võ Thị G không phải chịu, được trả lại số tiền tạm ứng án phí 19.507.000đ (*Mười chín triệu, năm trăm lẻ bảy ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002038 ngày 09-5-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

2.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Tổng công ty cổ phần B không phải chịu, được trả lại số tiền tạm ứng án phí 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006312 ngày 23-11-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

Bà Võ Thị G phải chịu 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 3.000.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006313 ngày 27-11-

2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V. Bà G còn được trả lại 1.000.000đ (Một triệu đồng).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (26-4-2019).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đào Thị Huệ